

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HS-PT

Ngày: 30-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo C.P.P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2022/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.T, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **C.P.P** (C), sinh năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện C.T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông C.V.H, sinh 1952 và bà T.T.M.L, sinh năm 1957; vợ: H.T.X.T; con: có 01 con, sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại bản án số: 29/HSST ngày 18/7/2003 đã xử phạt 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 17/7/2004; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 11/12/2020 L.H.D và L.H.N cư trú tại ấp T, xã T, huyện C.T, tỉnh Bến Tre cùng uống rượu tại nhà ông T.N.C ở ấp C, xã T, huyện C.T, tỉnh Bến Tre. Lúc này, C.P.P đi ngang qua có nói chuyện và xảy ra mâu

thuần với ông T.N.C rồi C.P.P bỏ về nhà (theo lời khai C.P.P nói chơi là kêu công an bắt tội bây vì đang đánh bài còn T.N.C khai C.P.P chửi cha T.N.C do trước đó T.N.C không cho C.P.P đến nhà chơi, uống rượu). Sau đó, L.H.N nói để đến nhà gặp C.P.P nói chuyện giảng hòa cho T.N.C. Khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, L.H.N đi xe đạp, L.H.D đi xe mô tô, T.N.C đi xe mô tô biển kiểm soát 71B1-xxx.xx (trên xe có để sẵn con dao do T.N.C đi làm vườn về chưa cất) đến nhà C.P.P. Khi đến nơi, L.H.N vào phía trước hành lang nhà nói chuyện với C.P.P không có xảy ra đánh nhau, L.H.D đứng bên ngoài không nói gì. Một lúc sau, T.N.C cầm dao vào chém C.P.P gây thương tích ở cánh tay và các ngón tay. C.P.P lấy dao trong nhà chém lại gây thương tích cho T.N.C ở cánh tay làm rớt dao xuống nền nhà, T.N.C và L.H.N bỏ chạy.

Khi thấy L.H.D đang đứng C.P.P tức giận cầm dao chém nhiều cái vào vùng cánh tay và bàn tay của L.H.D. C.P.P lấy dao của T.N.C và dao của mình ra chặt, chém nhiều cái vào xe mô tô biển kiểm soát: 71B1-xxx.xx của T.N.C. Sau đó, L.H.D bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, T.N.C và C.P.P đi điều trị tại Trung tâm Y tế huyện C.T - Cơ sở Hàm Long. Ngày 09/4/2021, C.P.P có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Ngày 13/4/2021 T.N.C có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Vật chứng thu giữ: Con dao dài 43,5cm, lưỡi bằng kim loại dài 29,5cm, cán bằng gỗ, mũi bầu, bản rộng nhất 08cm, bản nhỏ nhất 3,5cm; Con dao dài 44cm, lưỡi bằng kim loại dài 29,5cm, cán bằng gỗ dài 13,5cm, mũi bầu, bản rộng nhất 8,5cm, bản nhỏ nhất 3,6cm; Xe mô tô biển kiểm soát: 71B1-xxx.xx và xe đạp hiệu Martin.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 13-0121 ngày 20/01/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của L.H.D như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương mặt trước ngoài 1/3 trên cẳng tay phải kích thước 05cm x 03cm, bờ sắc gọn, đứt cơ cánh tay quay và quay duỗi cổ tay quay dài đã lành sẹo kích thước 08cm x 0,1cm; 02 vết thương mặt trước 1/3 dưới cánh tay phải kích thước 01cm x 01cm và 01cm x 0,5cm, rách da rộng, đã lành sẹo kích thước 01cm x 0,2cm và 01cm x 0,2cm.

Vết thương bàn tay trái: Vết thương từ mặt lưng đốt gần ngón II vòng qua mặt ngoài đến mặt lòng, kích thước 03cm x 0,5cm, vát sâu, gãy hở vát xương đốt gần, hở khớp bàn ngón, đứt gân gấp nông và sâu, đứt nhánh thần kinh và động mạch riêng, đứt gân lia ngón II đã lành sẹo, kích thước 07cm x 0,1cm. Vết thương mặt lưng ngón III từ khớp liên đốt gần đến liên khớp đốt xa, kích thước 04cm x 01cm,

đứt gân duỗi, đã lành sẹo, kích thước 05cm x 0,1cm. Xquang bàn tay trái gãy đốt gần ngón II, đang kết hợp xương. Hiện cứng khớp bàn ngón II tay trái.

Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc nhọn gây ra. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 15%.

Ngày 09/4/2021 C.P.P có đơn yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tật của L.H.D.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 70-21 ngày 12/5/2021 của Phân viện Pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của L.H.D như sau: Dấu hiệu chính qua giám định: Hai sẹo kích thước nhỏ vùng cánh tay phải: 02%. Sẹo kích thước trung bình vùng cẳng tay phải: 02%. Sẹo kích thước nhỏ ngón II bàn tay trái: 01%. Sẹo kích thước nhỏ ngón III bàn tay trái: 01%. Gãy đốt gần ngón II bàn tay trái đã điều trị phẫu thuật, hiện còn dụng cụ kết hợp xương, hạn chế vận động đốt bàn ngón II bàn tay trái: 08%.

Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân L.H.D là 13% theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

Ngày 15/01/2021, Phân viện Pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh không tiến hành giám định cho nạn nhân L.H.D nên không có ý kiến bàn luận gì về bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 13-0121 ngày 20/01/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 66-321 ngày 10/3/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của T.N.C như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương lóc da mặt lưng 1/3 dưới cẳng tay trái kích thước 04cm x 02cm, được khâu 12 mũi chỉ. Hiện vết thương lành sẹo kích thước 08cm x 0,3cm. Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc nhọn gây ra. Vết trầy xước cánh tay trái dài 2cm đã hết không còn để lại vết tích. Cơ chế hình thành vết thương do vật tày gây ra. Vết trầy xước cánh tay phải dài 03cm đã hết không còn để lại vết tích. Cơ chế hình thành vết thương do vật tày gây ra. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 02%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 120-421 ngày 14/4/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của C.P.P như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

Vết thương bàn tay trái: Vết thương ngón 1 mất da khoảng 01cm đã lành sẹo

kích thước 01cm x 0,1cm. Vết thương ngón 2 mất da khoảng 02cm đã lành sẹo kích thước 1,5cm x 01cm. Vết thương ngón 4 dài 01cm đã lành sẹo kích thước 01cm x 0,1cm. Sẹo sát da ngón 3 đã lành để lại vết sẹo da kích thước 02cm x 01cm. Vết thương cánh tay trái dài 02cm đã lành sẹo kích thước 03cm x 0,1cm.

Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc nhọn gây ra. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 06%.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 781 ngày 29/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện C.T, tỉnh Bến Tre kết luận thiệt hại xe mô tô biển kiểm soát: 71B1-xxx.xx như sau: 01 bộ áo không bao gồm bửng 580.000 đồng; 01 đồng hồ, đèn trước, bóng led, đuôi đèn 450.000 đồng; 02 đèn xi nhan trước 60.000 đồng; 02 vỏ ruột bánh xe 500.000 đồng; 01 vỏ bọc yên xe 80.000 đồng; công rã ráp xe 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản hư hỏng 1.870.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.T, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo C.P.P phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo C.P.P 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/02/2022 bị cáo C.P.P kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo C.P.P phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất mà điều luật quy định theo Điều 54 Bộ luật Hình sự nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo C.P.P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng

cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo tranh luận yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng, bị cáo cho rằng biết việc làm của mình là sai, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 11/12/2020 tại ấp C, xã T, huyện C.T, tỉnh Bến Tre, C.P.P đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm, chém gây thương tích cho L.H.D với tỷ lệ thương tật 13%. Giữa C.P.P và L.H.D không xảy ra mâu thuẫn nhưng C.P.P lại thực hiện hành vi đối với L.H.D. Với ý thức, hành vi và hậu quả đã xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo C.P.P phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a “Dùng hung khí nguy hiểm” và điểm i “Có tính chất côn đồ” của khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại; bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo; bị cáo có con nhỏ chưa thành niên nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân xấu do có bị kết án về “Tội trộm cắp tài sản”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng phải nuôi con nhỏ và là lao động chính trong gia đình, vợ nội trợ không làm ra thu nhập, cha mẹ già. Các tình tiết bị cáo đưa ra thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có cha già (70 tuổi), mẹ là người cao tuổi (65 tuổi) sống chung với bị cáo, vợ nội trợ, con còn nhỏ (dưới 03 tuổi) (phù hợp lý lịch của bị cáo đã khai), bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội là do có nhiều người tìm đến nhà bị cáo, bị cáo bị tấn công trước có bị thương tích dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó tình tiết người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo Điều 54 Bộ luật Hình sự theo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt tù của bị cáo; sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo C.P.P phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **C.P.P** (C) 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo C.P.P không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C.T (3b);
- VKSND huyện C.T (1b);
- Công an huyện C.T (1b);
- Chi cục THADS huyện C.T (1b);
- UBND xã T, h. C.T (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tĩnh